

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hồng Tuyết

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm N, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T tự nguyện chung sống với ông Lê Thanh P và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh T vào năm 2009. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 01/2012 đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà T xin ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà T và ông P có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/3/2009. Con sống chung với ông P từ khi vợ chồng sống ly thân cho

đến nay. Khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu con muốn sống với ông P thì bà T đồng ý để ông P nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà T và ông P không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà T và ông P không có tài sản chung.

Về nợ: Không có

Do ở xa không thể đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà T có đơn xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2022 bị đơn ông Lê Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Ông P thống nhất với bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông P đồng ý.

Về con chung: Thống nhất có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/3/2009. Khi ly hôn, ông P xin được nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ: Không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Ông P có đơn xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về nuôi con chung với ông Lê Thanh P nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ông P cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 28/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của ông P và bà T trong quá trình giải quyết vụ án thì các đương sự thống nhất đã phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 01/2012 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được, nay ông P cũng đồng ý ly hôn với bà T. Như vậy, có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông P đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông P có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/3/2009. Con sống chung với ông P từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà T có ý kiến tùy nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi, ông P xin được tiếp tục nuôi dưỡng con. Tại bản tự khai ngày 04/5/2022 cháu Hiếu có nguyện vọng được sống chung với ông P, do đó xét cần giao cháu Hiếu cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông P khai không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, ông P không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh P.

2. Về con chung: Giao con tên Lê Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/3/2009 cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các T viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa T niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Toà án giải quyết

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

5. Về án phí: Buộc bà T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0009765 ngày 29/3/2022.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã P, huyện G, Tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên